

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 379 /NMĐSH1-KTATMT

Hậu Giang, ngày 07 tháng 03 năm 2025

V/v cung cấp báo giá hàng hóa cho gói
thầu GT2024-200-BS 25 “Mua sắm VTTT
phần Cơ nhiệt (Bơm)”

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/ Nhà máy Điện Sông Hậu 1 (NMĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm cho gói thầu GT2024-200-BS 25 “Mua sắm VTTT phần Cơ nhiệt (Bơm)”, NMĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc:

- Danh mục hàng hóa: Như phụ lục đính kèm.
- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành tối thiểu 12 tháng, sản xuất từ năm 2024 trở lại đây.
- Cung cấp tài liệu nhà sản xuất, cung cấp CO, CQ/các tài liệu liên quan khác

2. Tiến độ cung cấp hàng hóa: Nhà cung cấp đề xuất tiến độ tốt nhất để Nhà máy xem xét.

3. Địa điểm giao hàng: tại kho, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Thị Trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.

4. Hiệu lực báo giá: 120 ngày kể từ ngày chào giá.

5. Thời gian gửi báo giá: trước 15h00 ngày 28/03/2025.

6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.

7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Kỹ thuật An toàn Môi trường – NMĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Email: dungnt5@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn; khoitm@pvpgb.vn;

hanhxx@pvpgb.vn

NMĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc NMĐ (đề b/c);
- Phòng/PX: TM, KHTC;
- Lưu VT, KTATMT (N.T.D).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Chính

Phụ lục 1: DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm Công văn số 379 /NMĐSH1-KTATMT, ngày 07/03/2025)

STT	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Mã vị trí/ Vị trí lắp	Số lượng	Đơn vị
1	Auxiliaries Cooling Water Pump	Type: NDV700C	Shin Shin Machinery			
1.1	Ball bearing	Type: 6318 (Koyo)		Part No. 321.1	1	PC
1.2	Gasket	Oil paper		Part No. 400.1	1	PC
1.3	Mechanical Seal	Catridge type		Part No. 433.1	1	Set
2	Closed Cooling Water Pump	Type: NDV500C1	Shin Shin Machinery			
2.1	Ball bearing	Type: 6318		Part No. 321.1	1	PC
2.2	Gasket	Oil paper		Part No. 400.1	1	PC
2.3	Mechanical Seal	Catridge type		Part No. 433.1	1	PC
3	HP Bypass Hydraulic Control Fluid					
3.1	Flexible jaw coupling	Spidex R 24 Material: NBR	Spidex, Germany		2	PC
4	LP Bypass Hydraulic Control Fluid					
4.1	Flexible jaw coupling	Spidex R 28 Material: NBR	Spidex, Germany		1	PC
5	Lube & Hydraulic Oil for BFPT System					

76

5.1	Flexible jaw coupling Recirculation Pumps	Spidex R 24/32 Material: NBR	Spidex	1	PC
5.2	BFPT Main and Auxiliary Oil Pump	Product name: MTR 64-8/8-2 BFPT Main & Auxiliary Oil Pump Mounting type: Vertical Actual calculated flow: 40 m ³ /h Resulting head of the pump: 16.08 bar Number of Impellers: 8 Number of Stages: 8 Primary shaft seal: HUUUV Pump version: A Model: B	Grundfoss	1	Set
6	Coarse ASH Slurry pumps	Model No.: LTS A 80 x 50H/ Horizontal centrifugal one stage, back pull out type Flow rate: 35 m ³ /h Total head: 32 m Total head: 32 m Pump speed: 1450 rpm Drive type: V - belt	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING		
6.1	OIL SEAL		SKF	No.: 30	2 PC
6.2	SHAFT SLEEVE	material: STAILNESS STEEL Standard: ASTM CA-40 HARD SURFACE	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING	No.: 37	2 PC
7	Recycle Water pumps	Model: 250x200 HPF; Horizontal Split Casing	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING		

		Capacity: 420 m3/hr; head 20 mwc; Speed 1450rpm;				
7.1	Packing sleeve	Material: Stailness steel Standard: ASTM A276 Gr.410	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING	No.: 12	2	PC
7.2	Sleeve	Material: Stailness steel Standard: ASTM A276 Gr.410	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING	No.: 13	2	PC
7.3	Wearing	Material: Gray cast iron Standard: ASTM A48 Class 30	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING	No.: 14	2	PC
7.4	Casing gasket	Material: Ferolite NAM30	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING	No.: 50	1	PC
7.5	Deflector	Material: Rubber	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING	No.: 10	2	PC
8	HP water pumps - Bơm nước cao áp	200 LCH 500x2 / Horizontal Split Casing Capacity: 450 m3/hr; head 100 mwc; Speed 1450rpm;	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING			
8.1	Wear ring No.1	Material: Cast iron Standard: ASTM A48-CL30	HAI DUONG PUMP	No.: 27	2	PC
8.2	Wear ring No.2	Material: Cast iron Standard: ASTM A48-CL30	HAI DUONG PUMP	No.: 29	1	PC
8.3	Sleeve	Material: Cacbon steel Standard: ASTM A276 Gr.410	HAI DUONG PUMP	No.: 33	2	PC
8.4	Shaft sleeve	Material: Cacbon steel Standard: ASTM A276 Gr.410	HAI DUONG PUMP	No.: 35	2	PC
9	LP water pumps - Bơm nước hạ áp	250x200 HPF/ Horizontal Split Casing	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING			

		Capacity: 495 m3/hr; head 18 mwc; Speed 1450rpm;				
9.1	PACKING SLEEVE	Material: Stainless steel Standard: ASTM A276 Gr.410	HAI DUONG PUMP	No.: 12	2	PC
9.2	SLEEVE	Material: Stainless steel Standard: ASTM A276 Gr.410	HAI DUONG PUMP	No.: 13	2	PC
9.3	WEAR RING	Material: Gray cast iron Standard: ASTM A48 Class 30	HAI DUONG PUMP	No.: 14	2	PC
9.4	PACKING RECIRCULATION LINES	Hydraulic hose pipe Standard: DIN EN853 -1SN	HAI DUONG PUMP	No.: 17	2	PC
9.5	CASING GASKET	Material: Ferolite NAM30	HAI DUONG PUMP	No.: 50	1	PC
10	Seal water pumps	Model: 40LTC 130X3; Type: Multi Stage Capacity: 8m3/hr; Head: 60 mwc; Speed: 2900rpm	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING			
10.1	Front wear ring	Material: Bronze Standard: ASTM B505/JIS5120	HAI DUONG PUMP	No.: 5	3	PC
10.2	Behind wear ring	Material: Bronze Standard: ASTM B505/JIS5120	HAI DUONG PUMP	No.: 7	2	PC
10.3	Ball bearing		SKF	No.: 18	1	PC
10.4	Ball bearing		SKF	No.: 41	1	PC
11	ASH Slurry pumps	Model: LTSB 250x200H Horizontal centrifugal, back pull out type Flow rate 450 m ³ /h, Total head 49m, Speed 850 rpm, Efficiency 69%, NPSHR: 2,5	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING			

71

11.1	SHAFT SLEEVE	Material: Stailness steel	HAI DUONG PUMP	No.: 14	1	PC
11.2	O - Ring Ø10 x Ø484	Ø10 x Ø484 mm Material: rubber	HAI DUONG PUMP	No.: 33	1	PC
11.3	Gasket Ø703 x Ø753	Ø703 x Ø753 mm Material: rubber	HAI DUONG PUMP	No.: 36	1	PC
12	HP water pump	Model: Agregat P62/140-150 'Q = 120l/h P = 150 bar P= 37,5 kw n = 690 v/p	SPECK-TRIPLEX- PUMPEN			
12.1	Radial Shaft Seal	Code No: 06.0722		Item No: 15	2	PC
12.2	Taper Roller Bearing	Code No: 05.0127		Item No: 20	2	PC
12.3	Radial Shaft Seal	Code No: 06.0826		Item No: 32	3	PC
12.4	Seal Adaptor	Code No: 07.2002		Item No: 33	3	PC
12.5	O-Ring for 33	Code No:06.0800		Item No: 33A	3	PC
12.6	Plunger Pipe (P62/140-150)	Code No: 11.0428		Item No: 37	3	PC
12.7	Seal Case	Code No: 07.3108		Item No: 41	3	PC
12.8	O-Ring for 41	Code No: 06.0800		Item No: 41A	3	PC
12.9	O-Ring for 41	Code No: 06.0221		Item No: 41C	3	PC
12.10	Tension Spring	Code No: 07.3105		Item No: 42	3	PC
12.11	Support Ring (P62/140-150)	Code No: 07.2654		Item No: 43	3	PC
12.12	Sleeve (P62/140-150)	Code No: 06.0824		Item No: 44	3	PC
12.13	Pressure Ring (P62/140-150)	Code No:07.2382		Item No: 44A	3	PC
12.14	Grooved Ring (P62/140-150)	Code No:06.1211		Item No: 45	3	PC
12.15	Spacer Disc (P62/140-150)	Code No: 07.3219		Item No: 45A	3	PC
12.16	Valve Assy (51A-E)	Code No: 00.6776		Item No: 51	3	SET

13	Vaccum Belt filter	Model: HVBF-24			
13.1	Molla ad aria WEFORMA WBZ 320 G3/4	NUMERO PARTE: 1.100.705	TECNIPLANT	Draw no: 7.100.092 Elemento: 11	1 PC
13.2	Dây đai chèn buồng chân không (Vaccum Belt filter)	Loại dây: SBR - 630/3 Vật liệu: SBR Chu vi: 27.420 mm Bề rộng 38mm Độ dày 10mm			4 PC
14	DO FORWARDING PUMP	Type: L4MG-164/062- AHOKRA-G Capacity: 54 m3/h; Speed: 1485 rpm Discharge pressure: 24.08 barG Suction pressure: -0.22 barG	ALLWEILER		
14.1	O-ring			Pos. 015	4 PC
14.2	O-ring			Pos. 031	2 PC
14.3	mechanical seal	Type: 48-LP	JOHN CRANE	Pos. 062	4 PC
14.4	O-ring			Pos. 099	2 PC
14.5	shaft sealing ring			Pos. 116	2 PC
14.6	O-ring			Pos. 128	2 PC
14.7	O-ring			Pos. 133	2 PC
14.8	O-ring			Pos. 715	4 PC
14.9	O-ring			Pos. 717	4 PC
15	Demineralized Water Storage and Transfer System				

77

15.1	Flexible couplings	Flexible for couplings: Max Dynamic No. D-10HT	Omega	1	SET
16	Waste Water treatment for FGD				
16.1	Flexible couplings	-Quadra-Flex® Sleeves for coupling: -Type: JEM -Coupling size: 6	Martin	2	PC

76